

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06/11/2018

*“V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Khải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm.

2. Ông Hà Đình Sở.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trọng Nho – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 1440, đường Đ K, tổ 33, khu phố 3, phường T Di, thành phố B H, tỉnh Đ N.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đức T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Phố H S, thị trấn T S, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H và anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/10/2018 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009 chị H kết hôn với anh Trần Đức T có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T D, TP. B H, tỉnh Đ N. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với gia đình bố mẹ chị tại phường T D, tỉnh cảm

vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2013 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến bất đồng quan điểm và cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó đến nay, không quan tâm gì đến nhau, anh T đã về nhà ở phố H S, thị trấn T S để sinh sống. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T để giải phóng cho nhau ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Trần Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13/3/2012, hiện cả hai cháu đều đang ở với chị H từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị H xin được nuôi hai con chung đến khi thành niên, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng 1.000.000đ/1 tháng/1 cháu, hai cháu là 2.000.000đ/1 tháng đến khi cháu T, cháu T thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/10/2018 bị đơn là anh Trần Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác định về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, vợ chồng không còn tôn trọng nhau và sống ly thân từ năm 2013 đến nay, anh T về nhà tại thị trấn T S, huyện M để sinh sống, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với chị H. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T nhất trí ly hôn vì anh cũng xác định không còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Trần Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13/3/2012, hiện cả hai cháu đều đang chung sống cùng chị H tại phường T D, thành phố B H, tỉnh Đ N từ khi vợ chồng ly thân năm 2013. Anh T nhất trí để chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến khi các cháu thành niên, anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/1 tháng/1 cháu đến khi cháu T, cháu T thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh H. Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn anh Trần Đức T. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Trần Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13/3/2012 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000đ/1 tháng/1 cháu kể từ tháng 11 năm 2018 đến khi cháu T, cháu T thành niên; Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05/10/2018 chị Nguyễn Thị Minh H nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Đức T, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Trần Đức T đều có đơn đề nghị không mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị H và anh T đều đề nghị xét xử vắng mặt, đây là vụ án không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Trần Đức T đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND phường T D, thành phố B H, tỉnh Đ N đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm không có sự đồng cảm, chia sẻ dẫn đến cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai còn quan tâm đến nhau. Nội dung này được các đương sự thừa nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Trần Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13/3/2012. Chị H và anh T đều thống nhất để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi các cháu thành niên, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000đ/1 tháng/1 cháu đến khi các cháu thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy việc thống nhất về

người trực tiếp nuôi con chung giữa chị H anh T là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng theo quy định pháp luật. Vì vậy cần giao 02 con chung của anh chị là cháu Trần Nguyễn Ngọc T và cháu Trần Nguyễn Ngọc T cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với 02 con chung với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng/1 cháu kể từ tháng 11 năm 2018 đến khi cháu T, cháu T thành niên.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Hồng phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh H đối với anh Trần Đức T. Xử cho chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn anh Trần Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Trần Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Minh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Đức T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với 02 con chung, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng/1 cháu kể từ tháng 11 năm 2018 đến khi cháu T, cháu T thành niên. Sau khi ly hôn anh Trần Đức T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001499 ngày 05/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

Anh Trần Đức T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND phường Trảng Dài, TP Biên Hòa;
- tỉnh Đồng Nai;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Quang Khải